

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Năm 2023			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó			Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					Vốn giao năm 2023										
					Giao từ đầu năm	Bổ sung trong năm									
-	Điểm dân cư thôn Liên Cơ xã Đồng Tâm	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.994,0	4.459,00	4.459,0										
-	Điểm dân cư thôn Đồng Mơ	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.120,0	1.500,00	1.500,0										
-	Trạm y tế thị trấn Bồ Hạ, huyện Yên Thế; HM: Giải phóng mặt bằng	Trung tâm PTQĐ và QLTTGTXDMT	1.399,89	1.300,00		1.300,00									
-	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử Quốc gia đặc biệt những điểm khởi nghĩa Yên Thế; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng mở rộng và xây dựng các hạng mục phụ trợ đền thờ Hoàng Hoa Thám và nghĩa quân Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	84.875,00	6.000,00		6.000,0									
3	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		43.014,0	9.882,2	7.000,0	2.882,2	-	-	4.113,7	3.786,9	326,8	41,63	38,32		
*	<i>Chi công trình đã quyết toán, chuyển tiếp</i>		<i>43.014,0</i>	<i>9.882,2</i>	<i>7.000,0</i>	<i>2.882,2</i>	-	-	<i>4.113,7</i>	<i>3.786,9</i>	<i>326,8</i>	<i>41,63</i>	<i>38,32</i>		
-	Cải tạo nâng cấp đường lên Đền Thượng xã Đông Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	7.444,0	4.382,16	3.500,0	882,156			326,83		326,831	7,46		-	
-	Cải tạo nâng cấp đường trục xã Đồng Tâm - Hồng Kỳ (đoạn UBND xã Đồng Tâm đi xã Hồng Kỳ)	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.996,0	3.500,00	3.500,0				3.000,00	3.000,0		85,71	85,71		
-	Xây dựng đường tránh thị trấn Mỏ Trang (đoạn từ QL 17 bản Châm đi trung tâm xã Tam Tiến)	Ban QLDA ĐTXD huyện	5.887,00	500,00		500,00			-	-		-	-		
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp (Đoạn QL17 Công Xây - Ngã ba Đồng Tâm) 3km	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.687,00	1.500,00		1.500,00			786,88	786,88		52,46	52,46		
4	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG AN NINH		13.666,0	4.806,0	4.000,0	-	806,0	-	1.727,0	1.000,0	727,0	35,93	25,00	90,20	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>13.666,0</i>	<i>4.806,0</i>	<i>4.000,0</i>	-	<i>806,0</i>	-	<i>1.727,0</i>	<i>1.000,0</i>	<i>727,0</i>	<i>95,62</i>	<i>100,00</i>	<i>90,20</i>	
-	Xây dựng công trình Sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu giai đoạn 2020 - 2025	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	13.666,0	1.000,00	1.000,0				1.000,00	1.000,0		100,00	100,00		
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Tam Hiệp	UBND xã Tam Hiệp		500,00			500,00		500,00		500,0	100,00		100,00	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đồng Hưu	UBND xã Đồng Hưu		79,02			79,02		-			-		-	
-	Xây dựng trụ sở Công an chính quy xã Đồng Vương	UBND xã Đồng Vương		227,00			227,00		227,00		227,0	100,00		100,00	
*	Hỗ trợ các xã thực hiện xây dựng công trình Trụ sở Công an xã			3.000,00	3.000,0				-			-	-		
5	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		93.865,7	39.942,9	29.500,0	7.185,3	3.257,6	-	9.955,7	8.846,3	1.109,4	24,92	24,11	34,06	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>66.237,7</i>	<i>22.844,7</i>	<i>14.500,0</i>	<i>7.185,3</i>	<i>1.159,4</i>	-	<i>9.955,7</i>	<i>8.846,3</i>	<i>1.109,4</i>	<i>43,58</i>	<i>40,79</i>	<i>95,69</i>	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Năm 2023			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó			Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					Vốn giao năm 2023										
					Giao từ đầu năm	Bổ sung trong năm									
-	Trường THCS TT Bồ Hạ; Hạng mục: GPMB, san nền, tường rào	Ban QLDA ĐTXD huyện	11.569,0	6.659,37	5.500,0	1.159,37	1.109,40	1.109,40	16,66	-	95,69				
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + phòng chức năng + sân, công, tường rào trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.999,0	9.000,00	9.000,0		2.101,87	2.101,87	23,35	23,35					
-	Xây dựng 03 phòng học; Cải tạo dãy nhà lớp học tạm làm khu hiệu bộ; Cải tạo sân, rãnh thoát nước, tường rào trường mầm non Đồng Tiến, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	5.273,00	1.000,00	1.000,00		1.000,00	1.000,00	100,00	100,00					
-	Nhà Hiệu bộ trường TH Tiến Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.650,00	800,00	800,00		360,00	360,00	45,00	45,00					
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu	Ban QLDA ĐTXD huyện	14.936,00	3.205,16	3.205,158		3.204,30	3.204,30	99,97	99,97					
	Đầu tư xây dựng phòng học trường mầm non, tiểu học huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Ban QLDA ĐTXD huyện	15.810,66	2.180,15	2.180,148		2.180,15	2.180,15	100,00	100,00					
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>		<i>27.628,0</i>	<i>17.098,3</i>	<i>15.000,0</i>	<i>-</i>	<i>2.098,3</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>		
-	Nhà đa năng trường THCS Hoàng Hoa Thám	Ban QLDA ĐTXD huyện	5.000,0	3.000,00	3.000,0				-	-					
-	Xây mới 3 phòng học trường mầm non Đồng Vương	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.700,0	1.500,00	1.500,0				-	-					
-	Xây mới 2 phòng chức năng; bếp ăn một chiều trường mầm non Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.760,0	1.000,00	1.000,0				-	-					
-	Xây dựng 08 phòng chức năng, phòng học bộ môn trường tiểu học Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.000,0	3.000,00	3.000,0				-	-					
-	Xây dựng 03 phòng học khu chính trường tiểu học Tam Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.500,0	1.500,00	1.500,0				-	-					
-	Xây dựng 06 phòng học, chức năng trường THCS Đồng Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	5.068,0	2.000,00	2.000,0				-	-					
-	Xây mới 4 phòng chức năng trường THCS Tam Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.200,0	2.000,00	2.000,0				-	-					
-	Xây mới 02 phòng chức năng trường THCS Đồng Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.400,0	1.000,00	1.000,0				-	-					
-	Trường mầm non Tam Tiến; Hạng mục: Tường rào, lát sân, nhà để xe, nhà bảo vệ	Ban QLDA ĐTXD huyện		300,00		300,0			-	-		-			
-	Xây dựng 12 phòng học trường THCS Đồng Hưu; Hạng mục: Giải phóng mặt bằng và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD huyện		1.298,26		1.298,3			-	-		-			
-	Xây dựng trường THCS Đông Sơn; Hạng mục: Lát sân, nhà để xe	Ban QLDA ĐTXD huyện		500,00		500,0			-	-		-			
6	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		18.316,0	1.227,8	1.000,0	-	227,8	-	919,0	919,0	-	74,86	91,90	-	
*	<i>Dự án chuyển tiếp</i>		<i>18.316,0</i>	<i>1.227,8</i>	<i>1.000,0</i>	<i>-</i>	<i>227,8</i>	<i>-</i>	<i>919,0</i>	<i>919,0</i>	<i>-</i>	<i>74,86</i>	<i>91,90</i>	<i>-</i>	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Năm 2023			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023	Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng số	Trong đó			Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					Vốn giao năm 2023										
					Giao từ đầu năm	Bổ sung trong năm									
-	Xây dựng ngầm Ba Chòi đi xã Canh Nậu	UBND xã Đồng Tiến	1.600,00	1.500,00	1.500,00				-	-					
3	Xã Tiến Thắng		1.014,93	850,00	-	850,00	-	-	-	-	-	-	-		
*	<i>Dự án khởi công mới năm 2023</i>		<i>1.014,93</i>	<i>850,00</i>	-	<i>850,00</i>	-	-	-	-	-	-	-		
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Tiến Thắng	UBND xã Tiến Thắng	1.014,93	850,00	850,00				-	-					
4	UBND thị trấn Phồn Xương		-	2.000,00	-	-	2.000,00	-	-	-	-	-	-		
-	Nhà văn hóa TDP Hoàng Hoa Thám thị trấn Phồn Xương	UBND thị trấn Phồn Xương		2.000,00			2.000,00				-				

KẾ HOẠCH VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Yên Thế)

TT	Nội dung, tên tiêu chí cần thực hiện	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023			Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 25/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng cộng	Trong đó:		Chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					NS TW	NS tỉnh								
	TỔNG CỘNG		134.264,0	82.687,5	53.801,0	14.675,0	14.211,5	23.103,0	20.711,3	2.391,7	27,9	30,2	16,8	
A	Vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới		49.357,5	37.689,4	31.623,0	5.400,0	666,4	4.060,8	3.727,8	333,0	10,8	10,1	50,0	
1	Xã Đồng Kỳ		11.850,0	9.542,7	9.313,0	200,0	29,7	1.314,2	1.314,2	-	13,8	13,8	-	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			29,7	-	-	29,7	-	-	-	-	-	-	
-	Nghĩa trang nhân dân thôn (Cổng Huyện - Đồng Tâm, Trại Đàng, Trại Quân và Trại Chuối 1- Trại Chuối 2)	UBND xã Đồng Kỳ		29,7			29,7	-			-	-	-	
*	<i>Công trình khởi công mới</i>		11.850,0	9.513,0	9.313,0	200,0	-	1.314,2	1.314,2	-	13,8	13,8	-	
-	Kênh mương thôn Đồng Lân (ông dự đi ngã ba làng chiềng)	UBND xã Đồng Kỳ	500,0	368,0	368,0			-			-	-	-	
-	Đường giao thông Thôn Ngò 1	UBND xã Đồng Kỳ	500,0	450,0	450,0			-			-	-	-	
-	Đường giao thông Thôn Ngò 2 (Ao hồ đi nhà văn hóa thôn)	UBND xã Đồng Kỳ	350,0	315,0	315,0			-			-	-	-	
-	Đường giao thông Thôn Trại Chuối 1	UBND xã Đồng Kỳ	300,0	270,0	270,0			-			-	-	-	
-	Đường giao thông Thôn Trại Chuối 1, 2 (Ông Thành đi Am Thung)	UBND xã Đồng Kỳ	380,0	342,0	342,0			-			-	-	-	
-	Đường giao thông Thôn Cổng Huyện	UBND xã Đồng Kỳ	500,0	440,0	440,0			-			-	-	-	
-	Đường giao thông thôn Đồng Lân	UBND xã Đồng Kỳ	1.120,0	1.000,0	1.000,0			-			-	-	-	
-	Trung tâm văn hóa thôn Trại Chuối 1 (công trình phụ trợ)	UBND xã Đồng Kỳ	200,0	150,0	150,0			-			-	-	-	
-	Trung tâm văn hóa thôn Trại Chuối 2 (công trình phụ trợ)	UBND xã Đồng Kỳ	200,0	150,0	150,0			-			-	-	-	
-	Trung tâm văn hóa thôn Trại Quân (công trình phụ trợ)	UBND xã Đồng Kỳ	200,0	150,0	150,0			-			-	-	-	
-	Trung tâm văn hóa thôn Trại Đàng (công trình phụ trợ)	UBND xã Đồng Kỳ	175,0	135,0	135,0			-			-	-	-	
-	Trung tâm văn hóa thôn Cổng Huyện (công trình phụ trợ)	UBND xã Đồng Kỳ	175,0	135,0	135,0			-			-	-	-	
-	Nâng cấp trạm Y tế	UBND xã Đồng Kỳ	4.000,0	3.000,0	3.000,0			1.314,2	1.314,2		43,8	43,8	-	
-	Trường THCS (Công trình phụ trợ)	UBND xã Đồng Kỳ	750,0	562,0	562,0			-			-	-	-	
-	Trường mầm non xã Đồng Kỳ (nhà hiệu bộ và phòng chức năng)	UBND xã Đồng Kỳ	1.500,0	1.300,0	1.300,0			-			-	-	-	
-	Trường Tiểu học (Công trình phụ trợ)	UBND xã Đồng Kỳ	1.000,0	746,0	546,0	200,0		-			-	-	-	
2	Xã Tam Hiệp		12.845,5	9.583,0	9.310,0	200,0	73,0	793,0	760,0	33,0	8,3	8,0	45,2	
*	<i>Công trình chuyển tiếp</i>			73,0	-	-	73,0	33,0	-	33,0	45,2	-	45,2	
-	Trung tâm văn hóa, thể thao thôn Yên Thế (các công trình phụ trợ)	UBND xã Tam Hiệp		6,4			6,4	-			-	-	-	

TT	Nội dung, tên tiêu chí cần thực hiện	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023			Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 25/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng cộng	Trong đó:		Chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					NS TW	NS tỉnh								
-	Trung tâm văn hóa, thể thao thôn Trại Cọ (các công trình phụ trợ)	UBND xã Tam Hiệp		10,0			10,0	10,0		10,0	100,0	100,0		
-	Trạm y tế (Mái vòm sân, lò đốt rác)	UBND xã Tam Hiệp		9,1			9,1	9,0		9,0	98,9	98,9		
-	Mở rộng nghĩa trang nhân dân	UBND xã Tam Hiệp		14,0			14,0	14,0		14,0	100,0	100,0		
-	Nhà văn hóa thôn Trại Cọ	UBND xã Tam Hiệp		30,0			30,0	-		-	-	-		
-	Điểm tập kết rác thải	UBND xã Tam Hiệp		3,5			3,5	-		-	-	-		
*	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>12.845,5</i>	<i>9.510,0</i>	<i>9.310,0</i>	<i>200,0</i>	-	<i>760,0</i>	<i>760,0</i>	-	<i>8,0</i>	<i>8,0</i>		
-	Nhà Văn hóa bản Đồng Thép	UBND xã Tam Hiệp	860,9	50,0		50,0		-			-	-		
-	Trung tâm thể thao xã Tam Hiệp	UBND xã Tam Hiệp	1.556,6	100,0		100,0		-			-	-		
-	Trung tâm văn hóa, thể thao bản Đồng Thép (các công trình phụ trợ)	UBND xã Tam Hiệp	450,0	50,0		50,0		-			-	-		
-	Đường giao thông thôn Trại Cọ và Đồng Thép	UBND xã Tam Hiệp	1.650,0	1.650,0	1.650,0			-			-	-		
-	Đường bê tông các thôn, bản (Đền Cô, Đồng Mơ, Yên Thế...)	UBND xã Tam Hiệp	1.423,0	1.283,0	1.283,0			-			-	-		
-	Mương cứng thôn Đền Cô	UBND xã Tam Hiệp	400,0	372,0	372,0			-			-	-		
-	Cứng hóa kênh mương bản Đồng Thép	UBND xã Tam Hiệp	800,0	640,0	640,0			-			-	-		
-	Cứng hóa kênh mương bản Đồng Hom	UBND xã Tam Hiệp	800,0	640,0	640,0			-			-	-		
-	Sửa chữa cải tạo nhà và khuôn viên nhà văn hóa trung tâm xã	UBND xã Tam Hiệp	1.010,0	1.000,0	1.000,0			760,0	760,0		76,0	76,0		
-	Trường THCS (Công trình phụ trợ)	UBND xã Tam Hiệp	1.225,0	1.125,0	1.125,0			-			-	-		
-	Trường mầm non (Công trình phụ trợ)	UBND xã Tam Hiệp	1.120,0	1.100,0	1.100,0			-			-	-		
-	Trường tiểu học (Công trình phụ trợ (mái vòm, bể bơi)	UBND xã Tam Hiệp	1.550,0	1.500,0	1.500,0			-			-	-		
3	Xã Tân Sỏi		12.671,0	9.000,0	6.500,0	2.500,0	-	1.503,7	1.503,7	-	16,7	16,7		
*	<i>Công trình chuyển tiếp/quyết toán</i>		<i>2.107,0</i>	<i>1.582,0</i>	-	<i>1.582,0</i>	-	<i>1.503,7</i>	<i>1.503,7</i>	-	<i>95,0</i>	<i>95,0</i>		
-	Xây mới NVH thôn Cầu	UBND xã Tân Sỏi	685,0	515,0		515,0		485,2	485,2		94,2	94,2		
-	Xây mới NVH thôn Chiềng	UBND xã Tân Sỏi	785,0	600,0		600,0		577,9	577,9		96,3	96,3		
-	Xây mới NVH thôn Phú Bán	UBND xã Tân Sỏi	637,0	467,0		467,0		440,6	440,6		94,3	94,3		
*	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>10.564,0</i>	<i>7.418,0</i>	<i>6.500,0</i>	<i>918,0</i>	-	-	-	-	-	-		
-	Cứng hóa kênh mương KDC nhà trẻ thôn Chiềng	UBND xã Tân Sỏi	225,0	180,0	180,0			-			-	-		
-	Cứng hóa kênh mương từ tiếp đoạn đã cứng hóa cống chùa đến đập ông Sim thôn Cầu	UBND xã Tân Sỏi	425,0	340,0	340,0			-			-	-		
-	Cứng hóa mương thoát nước KDC thôn sỏi đến mương tiêu thôn Cầu	UBND xã Tân Sỏi	232,0	200,0	200,0			-			-	-		
-	Cứng hóa đường nội đồng từ trục thôn đến Trạm điện thôn Tân Mái	UBND xã Tân Sỏi	230,0	207,0	207,0			-			-	-		
-	Cứng hóa đường từ TL292 đi Sân vận động xã, thôn Sỏi	UBND xã Tân Sỏi	200,0	180,0	180,0			-			-	-		

TT	Nội dung, tên tiêu chí cần thực hiện	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023			Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 25/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng cộng	Trong đó:		Chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					NS TW	NS tỉnh								
-	Công trình phụ trợ trạm y tế xã	UBND xã Tân Sỏi	820,0	500,0	500,0		-			-	-			
-	Trường THCS Tân Sỏi (Công trình phụ trợ)	UBND xã Tân Sỏi	220,0	200,0	200,0		-			-	-			
-	Trường mầm non (Công trình phụ trợ)	UBND xã Tân Sỏi	170,0	150,0	150,0		-			-	-			
-	Xây mới NVH thôn Chè	UBND xã Tân Sỏi	800,0	600,0		600,0	-			-	-			
-	Xây mới NVH thôn Dầm Chúc	UBND xã Tân Sỏi	807,0	400,0	400,0		-			-	-			
-	Xây mới NVH thôn Yên Cư	UBND xã Tân Sỏi	800,0	400,0	400,0		-			-	-			
	Nhà văn hóa thôn Tân Mái (công trình phụ trợ)	UBND xã Tân Sỏi	225,0	210,0	210,0		-			-	-			
-	Xây dựng khu thể thao thôn Sỏi	UBND xã Tân Sỏi	350,0	270,0	270,0		-			-	-			
-	Xây dựng khu thể thao thôn Tân Mái	UBND xã Tân Sỏi	460,0	350,0	350,0		-			-	-			
-	Xây dựng khu thể thao thôn Cầu	UBND xã Tân Sỏi	235,0	170,0	170,0		-			-	-			
-	Xây dựng khu thể thao thôn Phú Bản	UBND xã Tân Sỏi	235,0	170,0	170,0		-			-	-			
-	Xây dựng khu thể thao thôn Chè	UBND xã Tân Sỏi	265,0	200,0	200,0		-			-	-			
-	Xây dựng khu thể thao thôn Dầm Chúc	UBND xã Tân Sỏi	455,0	390,0	390,0		-			-	-			
-	Xây dựng khu thể thao thôn Yên Cư	UBND xã Tân Sỏi	415,0	350,0	350,0		-			-	-			
-	Xây mới Khu thể thao xã Tân Sỏi	UBND xã Tân Sỏi	1.495,0	1.000,0	1.000,0		-			-	-			
-	Nghĩa trang nhân dân các thôn (mỗi thôn 1 nghĩa trang ND, riêng Dầm Chúc 2 nghĩa Trang ND)	UBND xã Tân Sỏi	1.500,0	951,0	633,0	318,0	-			-	-			
4	Xã Đông Sơn		11.991,0	9.000,0	6.500,0	2.500,0	-	150,0	150,0	-	1,7	1,7		
*	<i>Công trình đã QT/ chuyển tiếp</i>		<i>850,0</i>	<i>150,0</i>	<i>150,0</i>	-	-	<i>150,0</i>	<i>150,0</i>	-	<i>100,0</i>	<i>100,0</i>		
-	Nhà văn hóa thôn Đồi Lính	UBND xã Đông Sơn	850,0	150,0	150,0			150,0	150,0		100,0	100,0		
*	<i>Công trình khởi công mới</i>		<i>11.141,0</i>	<i>8.850,0</i>	<i>6.350,0</i>	<i>2.500,0</i>	-	-	-	-	-	-		
-	Nhà văn hóa thôn Trường Sơn	UBND xã Đông Sơn	900,0	597,0	97,0	500,0		-			-	-		
-	Nhà văn hóa thôn Cà Ngo	UBND xã Đông Sơn	900,0	600,0	600,0			-			-	-		
-	Nhà văn hóa thôn Vi Sơn	UBND xã Đông Sơn	990,0	600,0	600,0			-			-	-		
-	Nhà văn hóa thôn Cầu Gụ	UBND xã Đông Sơn	900,0	600,0	600,0			-			-	-		
-	Nhà văn hóa Đồi Hồng (Công trình phụ trợ)	UBND xã Đông Sơn	250,0	191,0	191,0			-			-	-		
-	Nhà văn hóa Đền Quỳnh (Công trình phụ trợ)	UBND xã Đông Sơn	250,0	200,0	200,0			-			-	-		
-	Khu thể thao thôn An Cạn	UBND xã Đông Sơn	250,0	185,0	185,0			-			-	-		
-	Khu thể thao thôn Đồi Lính	UBND xã Đông Sơn	315,0	250,0	250,0			-			-	-		

TT	Nội dung, tên tiêu chí cần thực hiện	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023			Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 25/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng cộng	Trong đó:		Chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					NS TW	NS tỉnh								
-	Khu thể thao thôn Vi Sơn	UBND xã Đông Sơn	415,0	350,0	350,0		-			-	-			
-	Khu thể thao thôn Đền Quỳnh	UBND xã Đông Sơn	365,0	300,0	300,0		-			-	-			
-	Khu thể thao thôn Cà Ngo	UBND xã Đông Sơn	315,0	250,0	250,0		-			-	-			
-	Khu thể thao thôn Bến Trăm	UBND xã Đông Sơn	550,0	450,0	450,0		-			-	-			
-	Trạm y tế (công trình phụ trợ)	UBND xã Đông Sơn	281,0	271,0	271,0		-			-	-			
-	Trường Tiểu học Đồi Lánh (công trình phụ trợ)	UBND xã Đông Sơn	700,0	650,0	650,0		-			-	-			
-	Trường mầm non khu trung tâm thôn Đồi Lánh (công trình phụ trợ)	UBND xã Đông Sơn	340,0	300,0	300,0		-			-	-			
-	Cứng hóa xứ đồng đằm sau đi hồ dờ-đằm Giang Đông Kênh	UBND xã Đông Sơn	200,0	160,0	160,0		-			-	-			
-	Cứng hóa tuyến từ đập hồ nước đi năm mò thôn Đền Trắng	UBND xã Đông Sơn	320,0	256,0	256,0		-			-	-			
-	Cứng hóa tuyến từ đập bờ đá đi mương cao thôn Gia Bình	UBND xã Đông Sơn	800,0	640,0	640,0		-			-	-			
-	Nghĩa trang nhân dân thôn, bản (14 thôn)	UBND xã Đông Sơn	2.100,0	2.000,0		2.000,0	-			-	-			
5	Xã Đông Tâm			300,0	-	-	300,0	300,0	-	300,0	100,0	100,0		
-	Khu vệ sinh nhà văn hóa xã Đông Tâm	UBND xã Đông Tâm		200,0			200,00	200,0		200,00	100,0	100,0		
-	Cứng hóa đường trục thôn Tân Hồng - Tân Kỳ	UBND xã Đông Tâm		56,6			56,600	56,6		56,600	100,0	100,0		
-	Cứng hóa đường trục thôn Liên Cơ- Đề Thám	UBND xã Đông Tâm		43,4			43,400	43,4		43,400	100,0	100,0		
6	Xã Hồng Kỳ			206,9	-	-	206,9	-	-	-	-	-		
-	Mua sắm đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời cho xã bản, thôn	UBND xã Hồng Kỳ		200,0			200,00	-		-	-	-		
-	Xây dựng nghĩa trang ND Trại Hồng	UBND xã Hồng Kỳ		2,0			2,00	-		-	-	-		
-	Xây dựng nghĩa trang ND Đồng Nghĩa	UBND xã Hồng Kỳ		1,9			1,90	-		-	-	-		
-	Xây dựng nghĩa trang ND Đền Hồng - Trại Nhì	UBND xã Hồng Kỳ		3,0			3,00	-		-	-	-		
7	Xã Đông Vương			56,8	-	-	56,8	-	-	-	-	-		
-	Sửa chữa lớp học và công trình phụ trợ Trường mầm non Đông Vương	UBND xã Đông Vương		12,9			12,9	-		-	-	-		
-	Cứng hóa kênh mương bản Đông Tân, xã Đông Vương	UBND xã Đông Vương		43,9			43,9	-		-	-	-		
B	CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KT-XH VÙNG ĐỒNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		84.906,5	44.998,1	22.178,0	9.275,0	13.545,1	19.042,2	16.983,4	2.058,7	42,3	54,0	15,2	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		-	1.364,0	120,0	12,0	1.232,0	768,0	-	768,0	56,3	-	62,3	

TT	Nội dung, tên tiêu chí cần thực hiện	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023				Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 25/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú
				Tổng cộng	Trong đó:		Chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	
					NS TW	NS tỉnh								
	UBND xã Đồng Hưu (01 hộ)			220,0	40,0	4,0	176,0	120,0		120,0	54,5	-	68,2	
	UBND Đồng Tiến (01)			176,0	40,0	4,0	132,0	88,0		88,0	50,0	-	66,7	
	UBND xã Tiến Thắng (01 hộ)			220,0	40,0	4,0	176,0	-			-	-	-	
	Xã Đồng Vương			748,0			748,0	560,0		560	74,9		74,9	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		19.146	15.846	7.000	0	8.846	584,6	0	585	3,7	-	6,6	
1	Dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư tại chỗ các thôn, bản: Trảng Bắn, Đồng Đăng, Thái Hà, La Xa, Bình Minh, xã Đồng Vương, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	19.146	15.846,0	7.000		8.846,00	584,6		584,57	3,7	-	6,6	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc		26.351,4	10.781,0	8.781,0	2.000,0	-	8.383,4	8.383,4	-	77,8	77,8		
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		10.039,3	3.000,0	1.000,0	2.000,0	-	2.500,0	2.500,0	-	83,3	83,3		
*	Cứng hóa đường giao thông đến trung tâm xã, liên xã		10.039,3	3.000,0	1.000,0	2.000,0	-	2.500,0	2.500,0	-	83,3	83,3		
-	Dự án cải tạo, nâng cấp đường xã Đồng Vương đi xã Đồng Tiến, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	10.039,3	3.000,0	1.000,0	2.000,0	-	2.500,0	2.500,0	-	83,3	83,3		
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng xã, thôn bản đặc biệt khó khăn		16.312,1	7.781,0	7.781,0	-	-	5.883,4	5.883,4	-	75,6	75,6		
1.1	Xã Đồng Vương		6.137,5	2.834,0	2.834,0	-	-	2.289,0	2.289,0	-	80,8	80,8		
*	Dự án chuyển tiếp		4.745,5	2.289,0	2.289,0	-	-	2.289,0	2.289,0	-	100,0	100,0		
-	Đường bê tông bản Đổng Tân, La Xa xã Đồng Vương	UBND xã Đồng Vương	1.289,0	689,0	689,0			689,0	689,0		100,0	100,0		
-	Nhà văn hóa bản Bình Minh, xã Đồng Vương	UBND xã Đồng Vương	969,0	500,0	500,0			500,0	500,0		100,0	100,0		
-	Đường bê tông bản La Lanh, Trảng Bắn, xã Đồng Vương	UBND xã Đồng Vương	1.543,0	800,0	800,0			800,0	800,0		100,0	100,0		
-	Nhà văn hóa bản La Xa, xã Đồng Vương	UBND xã Đồng Vương	944,5	300,0	300,0			300,0	300,0		100,0	100,0		
*	Dự án khởi công mới năm 2023		1.392,0	545,0	545,0	-	-	-	-	-	-	-	-	
-	Mương tưới bản La Xa, xã Đồng Vương	UBND xã Đồng Vương	1.392,0	545,0	545,0			-			-	-	-	
1.2	Xã Đồng Tiến		2.652,0	1.267,0	1.267,0	-	-	1.240,7	1.240,7	-	97,9	97,9		
*	Dự án chuyển tiếp		2.652,0	1.267,0	1.267,0	-	-	1.240,7	1.240,7	-	97,9	97,9		
-	Đường bê tông + Ngầm bản Đổng An, xã Đồng Tiến	UBND xã Đồng Tiến	676,0	300,0	300,0			300,0	300,0		100,0	100,0		
-	Đường bê tông bản bản Góc Bông, xã Đồng Tiến	UBND xã Đồng Tiến	642,0	367,0	367,0			367,0	367,0		100,0	100,0		
-	Sửa chữa nâng cấp đập + Kênh mương bản Khe Ngọn, xã Đồng Tiến	UBND xã Đồng Tiến	672,0	300,0	300,0			300,0	300,0		100,0	100,0		
-	Cải tạo, nâng cấp Đập+ Kênh mương bản Cây Thi, xã Đồng Tiến	UBND xã Đồng Tiến	662,0	300,0	300,0			273,7	273,7		91,2	91,2		
1.3	Xã Canh Nậu		2.539,0	1.267,0	1.267,0	-	-	130,0	130,0	-	10,3	10,3		
*	Công trình chuyển tiếp		729,0	130,0	130,0	-	-	130,0	130,0	-	100,0	100,0		

TT	Nội dung, tên tiêu chí cần thực hiện	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023			Giải ngân KBNN từ 01/01/2023 đến ngày 25/06/2023			Tỷ lệ % giải ngân			Ghi chú	
				Tổng cộng	Trong đó:		Chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023	Vốn chuyển nguồn	Tổng số	Vốn giao năm 2023		Vốn chuyển nguồn
					NS TW	NS tỉnh								
-	Xây dựng nhà trung bày, triển lãm các sản phẩm văn hóa của người dân tộc Cao Lan, kết hợp khu đón tiếp khách du lịch tại Khu du lịch Xuân Lung-Thác Ngà	UBND xã Xuân Lương	208,0	208,0	208,0				-			-	-	
-	Du lịch cộng đồng bán Ven (Guồng nước, Sơ đồ tuyến du lịch)	UBND xã Xuân Lương	208,0	208,0	208,0				-			-	-	
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn làng, bản truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số,		150,0	150,0	150,0	-	-		-	-		-	-	
-	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn truyền thống tiêu biểu bán Ven, xã Xuân Lương (sửa chữa, nâng cấp nhà sàn văn hóa Cao Lan và các nội dung khác)	UBND xã Xuân Lương	150,0	150,0	150,0				-			-	-	
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		595,0	595,0	595,0	-	-		-	-		-	-	
-	Hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn huyện Yên Thế (10 nhà)	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	595,0	595,0	595,0				-			-	-	
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo, chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc TS		4.686,1	1.098,6	1.016,0	-	82,6		-	-		-	-	-
-	Động Thiên Thai, xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế	UBND xã Hồng Kỳ	4.686,1	566,0	566,0				-			-	-	
-	Đình Đông Kênh, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế	UBND xã Đông Sơn		150,0	150,0				-			-	-	
-	Đồn Hom, xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế	UBND xã Tam Hiệp		150,0	150,0				-			-	-	
-	Đền thờ Kỳ Đồng Nguyễn Văn Cầm, xã Hồng Kỳ, H Yên Thế	UBND xã Hồng Kỳ		150,0	150,0				-			-	-	
-	Tu bổ, chống xuống cấp di tích Đình Bo Chợ, xã Đông Sơn, huyện Yên Thế; Hạng mục: Tòa Đại đình	UBND xã Đông Sơn		82,6			82,6		-			-	-	-

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Yên Thế)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Ước giá trị giải ngân từ 01/1/2023 đến 25/06/2023	Tỷ lệ %	
						Giá trị KLTH/KH	Giá trị KLGK/KH
A	SỰ NGHIỆP KINH TẾ	79.712,87	-	22.773,74	15.330,43	-	67,3
I	SN giao thông	42.162,13	-	7.738,06	4.817,24	-	62,3
1	Công trình chuyển tiếp	33.212,13	-	5.438,06	4.817,24	-	88,6
-	Xây dựng kè tràn lồi liên đường 268 qua khu tổ 3 thôn Đề Thám, bản Cầu Tư xã Hồng Kỳ với đường trục xã Đông Tâm chiều dài ngầm 100m, đường dẫn 2 đầu ngầm 300m.	3.508,37	Ban QLDA ĐTXD huyện	475,46	475,46	-	100,0
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp - Phồn Xương (đoạn từ QL17 thị trấn Phồn Xương đi ngã ba thôn Đông Tâm xã Tân Hiệp)	6.190,96	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.530,28	1.530,28	-	100,0
-	Nâng cấp nền đường trục xã Đông Tâm (đoạn từ đường rẽ vào đền Thác Thần đến ngã ba rẽ vào cầu mới đi thôn Cầu tư), huyện Yên Thế	3.756,57	Ban QLDA ĐTXD huyện	432,32	432,32	-	100,0
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đông Lạc đi thị trấn Phồn Xương (đoạn Cầu Gián đi khu dân cư trung tâm thị trấn Phồn Xương) và xã Đông Sơn (đoạn từ UBND xã đi Cầu Mía, huyện Lạng Giang)	7.179,26	Ban QLDA ĐTXD huyện	500,00	391,20	-	78,2
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Xuân Lương đi Canh Nậu (đoạn từ bản Làng Dưới xã Xuân Lương đi Trại Sông xã Canh Nậu)	6.889,33	Ban QLDA ĐTXD huyện	500,00		-	-
-	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh từ ĐT 292 nối với ĐT 242	5.687,64	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.000,00	1.987,98	-	99,4
2	Công trình khởi công mới	8.950,00	-	2.300,00	-	-	-
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Tân Hiệp đi Tam Hiệp (đoạn từ thôn Đông Gia xã Tân Hiệp đi thôn Đông Bông xã Tam Hiệp) 2,5km	6.450,0	Ban QLDA ĐTXD huyện	500,00		-	-
-	Cải tạo, sửa chữa đường 268	1.000,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	700,00		-	-
-	Phát dọn hành lang, san gạt lề đường, nạo vét rãnh dọc thoát nước các tuyến đường huyện	500,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	400,00		-	-
-	Duy tu, bảo dưỡng các tuyến đường huyện	1.000,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	700,00		-	-
II	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	12.175,7	-	6.788,40	4.705,29	-	69,3
1	Công trình chuyển tiếp	9.835,7	-	4.888,40	4.705,29	-	96,3
-	Lát vỉa hè thị trấn Bồ Hạ (giai đoạn 2)	4.700,0	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.118,40	2.118,40	-	100,0
-	Cải tạo, lát vỉa hè thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế (tuyến 4)	4.404,3	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.470,00	2.286,89	-	92,6
-	Dịch chuyển đèn chiếu sáng thị trấn Bồ Hạ (Điểm đầu từ cầu Sỏi – điểm cuối cầu Bồ Hạ)	731,4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	300,00	300,00	-	100,0
2	Công trình khởi công mới	2.340,0	0	1.900,0	-	-	-
-	Chi sửa chữa đèn tín hiệu giao thông nút giao thị trấn Phồn Xương, thị trấn Bồ Hạ	540,0	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	200,0		-	-
-	Lắp đặt, sửa chữa, nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, đèn trang trí trên địa bàn huyện	700,0	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	500,0		-	-
-	Chỉnh trang, trang trí thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế (Dãi trang trí qua đường)	1.100,0	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	700,0		-	-
-	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đường tỉnh 292	1.100,0	Ban QLDA ĐTXD huyện	500,0		-	-
III	Kinh phí hỗ trợ thực hiện thủy lợi, kênh mương, hồ đập, trạm bơm (Đầu tư cải tạo, nâng cấp hạ tầng nông thôn)	15.489,04	-	3.314,73	3.011,53	-	90,9
-	Cứng hóa đường nội đồng thôn Ngò 1, Ngò 2, xã Đông Kỳ	1.137,51	Ban QLDA ĐTXD huyện	37,51	37,51	-	100,0
-	Cải tạo, nâng cấp Hồ Ao Bùng, tổ dân phố Mạc I, thị trấn Phồn Xương	615,81	Ban QLDA ĐTXD huyện	15,81	15,81	-	100,0

STT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Ước giá trị giải ngân từ 01/1/2023 đến 25/06/2023	Tỷ lệ %	
						Giá trị KLTH/KH	Giá trị KLGK/KH
-	Đường nội đồng Chùa - Tân Gia, xã Tân Hiệp	738,51	Ban QLDA ĐTXD huyện	108,51	106,15	-	97,8
-	Đường trục chính nội đồng đoạn từ cổng nhà ông Hữu thôn Chùa đi thôn Làng, xã Hương Vỹ	1.122,97	Ban QLDA ĐTXD huyện	162,97	162,97	-	100,0
-	Đường nội đồng từ ông Đàm đi ông Khánh bản Trại Tre, xã Đồng Hưu	550,96	Ban QLDA ĐTXD huyện	140,96	5,06	-	3,6
-	Kênh tưới, tiêu thôn Trại Nhất, xã Hồng Kỳ	1.137,79	Ban QLDA ĐTXD huyện	437,79	437,79	-	100,0
-	Đường nội đồng từ ông Việt đi đập Trại Mới, bản Trại Mới, xã Đồng Hưu	414,72	Ban QLDA ĐTXD huyện	34,72	4,64	-	13,4
-	Đường nội đồng thôn Cầu Tư - Làng Ba, xã Hồng Kỳ	867,36	Ban QLDA ĐTXD huyện	147,36	144,94	-	98,4
-	Đường nội đồng thôn Gia Bình, xã Đồng Hưu	1.075,55	Ban QLDA ĐTXD huyện	125,55	8,60	-	6,9
-	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng các xã Hương Vỹ, Tam Hiệp, Đồng Kỳ, Canh Nậu và thị trấn Phồn Xương (đoạn từ nhà ông Đạt đi nhà ông Nghi thôn Làng xã Hương Vỹ; đoạn cửa ông Inh và đoạn ông Ký - ông Đào, đồng công TT Phồn Xương, đoạn thôn Trại Quân xã Đồng Kỳ; thôn Đông Mơ xã Tam Hiệp và bản Góc Dối, bản Ná Táng xã Canh Nậu)	4.147,69	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.492,25	1.478,12	-	99,1
-	Cải tạo, nâng cấp Đập ông Đồng thôn Đền Cô xã Tam Hiệp và hồ Nhà Trẻ, bản Núi Bà xã Tam Tiên	991,71	Ban QLDA ĐTXD huyện	91,71	91,71	-	100,0
-	Cải tạo hồ La Chá, thôn Hợp Thắng, xã Tiến Thắng	519,61	Ban QLDA ĐTXD huyện	19,61	18,22	-	92,9
-	Đường nội đồng thôn Hồ Tiên (đoạn từ cổng nhà ông Hồng đi cổng nhà ông Trường và ông Trung) xã Hương Vỹ dài 600m; đoạn xứ đồng khu mẫu bẫy xã Đông Sơn dài 800m; thôn Trại Cọ (đoạn từ nhà bà Lý đi ông Nhâm) xã Tam Hiệp dài 150m	2.168,87	Ban QLDA ĐTXD huyện	500,00	500,00	-	100,0
IV	Sự nghiệp kinh tế khác	9.886,00	-	4.932,55	2.796,37	-	56,7
1	Công trình chuyển tiếp	7.366,00	-	2.532,55	1.996,37	-	78,8
-	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy huyện	3.007,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.151,48	927,30	-	80,5
-	Cải tạo kênh thoát nước phố Đề Năm, TT Phồn Xương	239,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	39,07	39,07	-	100,0
-	Sửa chữa phòng họp Hội trường tầng 3, Phòng Giáo dục và Đào tạo Yên Thế	440,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	200,00	200,00	-	100,0
-	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng liên cơ quan Nội vụ - Giáo dục	1.369,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	350,00	350,00	-	100,0
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Bồ Hạ (cũ) làm bệnh viện dã chiến điều trị bệnh nhân F0 Covid-19	1.270,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	592,00	480,00	-	81,1
-	Dịch chuyển đường dây Trung thế 35KV và trạm BA CG 2khu dân cư Trại Cọ xã Tam Hiệp và tổ dân phố Đề Năm, thị trấn Phồn Xương	1.041,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	200,00		-	-
2	Công trình khởi công mới	2.520,00		2.400,0	800,00	-	33,3
-	Cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chung thị trấn Bồ Hạ và các vùng phụ cận huyện Yên Thế	1.055,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	500,0	500,00	-	100,0
-	Cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chung thị trấn Cầu Gò (nay là thị trấn Phồn Xương) huyện Yên Thế	485,00	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	300,0	300,00	-	100,0
-	Sửa chữa Trụ sở UBND huyện: son nhà 3 tầng UBND huyện, thay thảm hội trường UBND huyện	980,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.100,0		-	-
-	Sửa chữa trụ sở bảo hiểm xã hội	500,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	500,0		-	-

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN NGUỒN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Yên Thế)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Ước giá trị giải ngân từ 01/1/2023 đến 25/06/2023	Tỷ lệ %	
						Giá trị KLTH/KH	Giá trị KLGK/KH
	Tổng số	56.116,53	-	17.096,48	12.428,12	-	72,7
A	Sự nghiệp giáo dục năm 2022	56.116,53	-	17.096,48	12.428,12	-	72,7
I	Công trình đã quyết toán/chuyển tiếp	56.116,53	-	17.096,48	12.428,12	-	72,7
-	Xây dựng mới 3 phòng học + chức năng Trường tiểu học Canh Nậu	1.500,60	Ban QLDA ĐTXD huyện	40,60	40,60	-	100,0
-	Trường THCS Tam Hiệp; Hạng mục: Xây dựng công trường	237,30	Ban QLDA ĐTXD huyện	37,04	37,04	-	100,0
-	Trường tiểu học Đồng Lạc; HM: Lát lại sân cho học sinh; tường bao	768,31	Ban QLDA ĐTXD huyện	34,58	34,58	-	100,0
-	Xây dựng 03 phòng chức năng + Lát sân Trường tiểu học Đồng Kỳ	1.884,26	Ban QLDA ĐTXD huyện	84,26	84,26	-	100,0
-	Xây dựng 8 phòng học, phòng chức năng trường THCS Hương Vỹ	4.314,51	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.000,00		-	-
-	Thay cửa sổ; sơn lại phòng học, phòng chức năng + Lát gạch sân, khu vui chơi trường mầm non Tân Sỏi	542,02	Ban QLDA ĐTXD huyện	100,00		-	-
-	Xây dựng 08 phòng học + phụ trợ trường mầm non Tam Tiến	9.570,99	Ban QLDA ĐTXD huyện	3.000,00	2.889,38	-	96,3
-	Xây dựng 8 phòng học trường mầm non Đồng Lạc	8.627,30	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.000,00	2.342,27	-	58,6
-	Xây dựng 12 phòng học, chức năng trường tiểu học Canh Nậu	9.696,26	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500,00		-	-
-	Thay mới cửa chính (khung sắt hộp, dưới huỳnh sáng, bên trên kính ép 2 lớp); Thay mới cửa sổ lớp học (khung sắt hộp, huỳnh kính ép 2 lớp); Lát nền lớp học (Gạch lát nền là gạch vuông 50 cm x 50 cm liên doanh); Thay mái tôn 3 phòng học chống thấm; Thay lan can tầng 2 khu Đồng Đăng, Trường TH Đồng Vương	707,74	Ban QLDA ĐTXD huyện	300,00		-	-
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + phòng chức năng + sân, cổng, tường rào, mương thoát nước trường THCS Đông Sơn	14.740,67	Ban QLDA ĐTXD huyện	6.000,00	6.000,00	-	100,0
-	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Hương Vỹ; nhà vệ sinh	3.526,58	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.000,00	1.000,00	-	100,0
II	Công trình khởi công mới năm 2023	3.845,00	-	2.515,00	-	-	-
1	Khối mầm non	385,00	-	335,00	-	-	-
-	Trường mầm non Đông Sơn (khu lẻ Đồi Hồng); hạng mục: Sửa nền, cửa chính, cửa sổ; 4 phòng học cũ	150,00	Trường mầm non Đông Sơn	120,00		-	-
-	Trường mầm non Đồng Vương; hạng mục: Cải tạo phòng học thành nhà hiệu bộ; Quét vôi ve 05 phòng học, phòng chức năng khu trung tâm	100,00	Trường mầm non Đồng Vương	95,00		-	-
-	Sửa chữa nền gạch 04 phòng và hành lang học dãy nhà 2 tầng khu chính trường mầm non Tân Hiệp	135,00	Trường mầm non Tân Hiệp	120,00		-	-
2	Khối tiểu học	1.760,00	-	1.180,00	-	-	-
-	Sửa chữa 8 phòng học + phòng đa năng trường tiểu học Đồng Kỳ	1.200,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	700,00		-	-
-	Thay cửa sổ phía sau phòng Tin học, ngoại ngữ trường tiểu học Hương Vỹ	70,00	Trường tiểu học Hương Vỹ	70,00		-	-
-	Quét lại ve khu nhà 2 tầng 6 phòng học, dãy nhà chức năng 1 tầng, khu Hiệu bộ, Phòng truyền thống đoàn đội Khu A và Dãy nhà 1 tầng Khu B trường tiểu học Tam Tiến	140,00	Trường tiểu học Tam Tiến	110,00		-	-

STT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Ước giá trị giải ngân từ 01/1/2023 đến 25/06/2023	Tỷ lệ %	
						Giá trị KLTH/KH	Giá trị KLGN/KH
-	Thay thế cửa sổ, cửa chính, lát nền các phòng học cũ khu Đồi Hồng (Dãy 8 phòng học) trường tiểu học Đông Sơn	350,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	300,00		-	-
3	Khối THCS	1.700,00	-	1.000,00	-	-	-
-	Cải tạo, sửa chữa trường THCS Hoàng Hoa Thám; hạng mục: 12 phòng dãy 3 tầng cũ khu A + Lát lại nền dãy nhà 10 lớp học, Khu hiệu bộ và phòng chức năng khu B	1.700,00	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.000,00		-	-

**TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NGUỒN SỰ NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP CHUYỂN NGUỒN VÀ NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI LẬP
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ LẠI**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Yên Thế)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Ước giá trị giải ngân từ 01/1/2023 đến 25/6/2023	Tỷ lệ %	
					Giá trị KLTH/KH	Giá trị KLGN/KH
	Tổng số:		26.609,60	14.888,50	-	56,0
A	Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi năm nay được phép chuyển sang năm sau theo quy định		26.609,6	14.888,5	-	56,0
1	30% tăng thu các khoản khác năm 2022 (không tính tăng thu tiền sử dụng đất)		20.161,5	14.673,5		72,8
-	Cải tạo, nâng cấp đường vòng tránh từ ĐT 292 nối với ĐT 242	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.000,0		-	-
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân Hiệp - Phồn Xương (đoạn từ QL17 thị trấn Phồn Xương đi ngã ba thôn Đông Tâm xã Tân Hiệp)	Ban QLDA ĐTXD huyện	700,0		-	-
-	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Đồng Lạc đi thị trấn Phồn Xương (đoạn Cầu Gián đi khu dân cư trung tâm thị trấn Phồn Xương) và xã Đông Sơn (đoạn từ UBND xã đi Cầu Mía, huyện Lạng Giang)	Ban QLDA ĐTXD huyện	36,6	36,6	-	100,0
-	Khu liên hợp thể theo huyện Yên Thế (giai đoạn 3 xây dựng Sân vận động)	Ban QLDA ĐTXD huyện	247,6	247,6	-	100,0
-	Cải tạo, lát vỉa hè thị trấn Cầu Gò, huyện Yên Thế (tuyến 4).	Ban QLDA ĐTXD huyện	800,0	800,0	-	100,0
-	Lát vỉa hè thị trấn Bồ Hạ (giai đoạn 2)	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500,0	1.500,0	-	100,0
-	Sửa chữa phòng họp phòng Giáo dục	Ban QLDA ĐTXD huyện	140,3	140,3	-	100,0
-	Xây dựng nhà hiệu bộ + phòng chức năng + sân, công, tường rào, mương thoát nước trường THCS Đông Sơn	Ban QLDA ĐTXD huyện	4.587,0	4.587,0	-	100,0
-	Xây dựng 8 phòng học, phòng chức năng trường THCS Hương Vĩ	Ban QLDA ĐTXD huyện	587,2	587,2	-	100,0
-	Xây dựng nhà đa năng trường THCS Hương Vĩ; nhà vệ sinh	Ban QLDA ĐTXD huyện	393,6	393,6	-	100,0
-	Xây dựng 08 phòng học + phụ trợ trường mầm non Tam Tiến	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500,0	1.000,0	-	66,7
-	Cải tạo, sửa chữa pano tuyên truyền trên địa bàn huyện		500,0		-	-
-	Xây dựng 8 phòng học trường mầm non Đồng Lạc	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.500,0		-	-
-	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng các xã Hương Vĩ, Tam Hiệp, Đông Kỳ, Canh Nậu và thị trấn Phồn Xương	Ban QLDA ĐTXD huyện	1.484,2	1.484,2	-	100,0
-	Cải tạo lát vỉa hè thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế (tuyến 3)	Ban QLDA ĐTXD huyện	288,0		-	-
-	Cải tạo, sửa chữa đập ông Ổn	Ban QLDA ĐTXD huyện	200,0	200,0	-	100,0
-	Đường nội đồng thôn Hồ Tiến (đoạn từ cổng nhà ông Hồng đi cổng nhà ông Trường và ông Trung) xã Hương Vĩ dài 600m; đoạn xứ đồng khu mẫu bẫy xã Đông Sơn dài 800m; thôn Trại Cọ (đoạn từ nhà bà Lý đi ông Nhâm) xã Tam Tam Hiện dài 150m	Ban QLDA ĐTXD huyện	450,0	450,0	-	100,0
-	Nâng cấp mương Cấp 2 (Tuyến giáp Kênh Đông - kênh trạm bơm Trại Nhi) - xứ đồng Đầu Trâu xã Hồng Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	300,0	300,0	-	100,0
-	Mương nội đồng từ cửa nhà văn hóa thôn Ngõ 1 đi đồng con Nhạn thôn Ngõ 2 - xứ đồng con Nhạn, xã Đông Kỳ	Ban QLDA ĐTXD huyện	200,0	200,0	-	100,0

STT	Danh mục	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2023	Ước giá trị giải ngân từ 01/1/2023 đến 25/6/2023	Tỷ lệ %	
					Giá trị KLTH/KH	Giá trị KLGK/KH
-	Cứng hóa kênh tưới thôn Hoàng Long - xứ đồng Đồi Tròn xã Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	250,0	250,0	-	100,0
-	Cứng hóa kênh tưới thôn Am - xứ đồng Thổ Kỳ, xã Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	280,0	280,0	-	100,0
-	Cứng hóa kênh tưới thôn Đồng Tâm, Đồng Gia - xứ đồng Đồng Cửa, xã Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	380,0	380,0	-	100,0
-	Đường nội đồng thôn Tân Gia - xứ đồng Hồ Cụt, xã Tân Hiệp	Ban QLDA ĐTXD huyện	350,0	350,0	-	100,0
-	Mương nội đồng thôn Tiến Trung - xứ đồng Năm Tấn, xã Tiến Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	400,0	400,0	-	100,0
-	Mương nội đồng thôn Hồ Luồng - xứ đồng Ông Tinh, xã Tiến Thắng	Ban QLDA ĐTXD huyện	190,0	190,0	-	100,0
-	Kênh tưới xứ đồng cửa làng bản Thia xã Canh Nậu	Ban QLDA ĐTXD huyện	350,0	350,0	-	100,0
-	Đường giao thông xứ đồng Trại Cà bản Đồng Cà, xã Canh Nậu	Ban QLDA ĐTXD huyện	400,0	400,0	-	100,0
-	Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính thực hiện Kết luận thanh tra số 4067/KL-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh	Phòng TNMT	91,3	91,3	-	100,0
-	Cắm mốc giới theo quy hoạch chi tiết 1/500 Khu đô thị số 1 thị trấn Phồn Xương, quy hoạch chi tiết 1/500 khu dân cư thôn Trại Chuối, xã Đồng Kỳ, quy hoạch di tích lịch sử quốc gia, khu di tích lịch sử và khu đền kỳ đồng, động thiên thai xã Hồng Kỳ	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	55,8	55,8	-	100,0
2	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản		2.584,0	-	-	-
-	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Đồng Hưu - Đồng Sơn, huyện Yên Thế	Ban QLDA ĐTXD huyện	2.584,0		-	-
3	Tiết kiệm chi QLHC, Các sự nghiệp khác còn lại		3.864,1	215,0	-	5,6
-	Đầu tư lắp đặt hệ thống Camera an ninh trên địa bàn huyện Yên Thế (giai đoạn 2).	Ban QLDA ĐTXD huyện	534,2		-	-
-	Sửa chữa khu xử lý rác thải sinh hoạt xã An Thượng	Ban QLDA ĐTXD huyện	350,0		-	-
-	Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Bồ Hạ và vùng phụ cận, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện	300,0	215,0	-	71,7
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Cầu Gò (nay là thị trấn Phồn Xương) đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	47,2		-	-
-	Dịch chuyển điện chiếu sáng QL 17 phục vụ thi công (trả nợ đọng XDCB)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	215,5		-	-
-	Xây mương thoát nước thải khu vực phố Đề Năm, thị trấn Phồn Xương	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	65,0		-	-
-	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng đô thị	Phòng Kinh tế & Hạ tầng huyện	150,0		-	-
-	Hỗ trợ UBND xã, thị trấn trả nợ đọng XDCB	UBND các xã, thị trấn	2.202,20		-	-